

Bản án số: 13 /2022/ HNGĐ - ST
Ngày 29/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Cung

Ông Nguyễn Văn Cử

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2022/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự::

Nguyên đơn: Anh Trần Đình L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 16, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Hoài T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm 2, xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa: anh L, chị T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai anh Trần Đình L trình bày: Anh và chị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh chị không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi chửi nhau nên đời sống chung không có hạnh phúc. Đến tháng 5/2013 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Yên Mạc, huyện Yên Mô sinh sống và cũng từ đó anh chị sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của

nhau. Đến nay anh L thấy tình cảm giữa anh và chị T không còn nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị T được ly hôn.

- Về con chung: anh và chị T có một con chung là cháu Trần Giang Nam, sinh ngày 4/3/2014 hiện nay cháu Nam đang ở cùng với chị T. Khi ly hôn anh đề nghị giao cháu Nam cho chị Thương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Nam thành niên. Tại biên bản hoà giải anh và chị T thống nhất anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu Nam thành niên. Tại phiên toà chị T không yêu cầu anh đóng góp phí tổn nuôi con và bản thân anh hiện nay cũng không có công ăn việc làm nên anh cũng nhất trí với ý kiến của chị T anh không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản chung và công nợ: anh và chị T không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên toà chị Phạm Thị Hoài T trình bày: Chị và anh L được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng anh chị chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống của hai người không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã không tôn trọng nhau Đến năm 2013 chị và anh L sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay tình cảm giữa chị và anh L không còn anh L xin ly hôn chị chị cũng đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh L chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay

- Về con chung: Chị anh anh L có một con chung như anh L trình bày là đúng, hiện nay cháu Trần Giang N đang ở cùng chị. Tại buổi hoà giải chị và anh L đã thống nhất chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 2.000.000đ. Tại phiên toà hôm nay chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến khi cháu N thành niên không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung và công nợ: chị và anh L không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 19/10/2022 Ủy ban nhân dân xã Yên Mạc đã cung cấp như sau: Chị Phạm Thị Hoài T đang cư trú tại địa phương. Ủy ban nhân dân xã không đăng ký kết hôn cho chị T và anh L và cũng chưa làm văn bản xác định tình trạng hôn nhân của chị T và cũng chưa giới thiệu để chị T đi đăng ký kết hôn tại địa phương khác. Chị T có chung sống với anh L và có một con chung là cháu Trần Giang N hiện nay chị T và cháu N đang sinh sống tại xã Yên Mạc, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian. Các đương sự chấp hành đúng qui định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh L và chị T sống chung với nhau từ năm 2012 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến nay anh L đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Toà án tuyên bố anh Trần Đình L và chị Phạm Thị Hoài T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh L chị T, giao cháu Trần Giang N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh L và chị T không đề nghị nên không giải quyết

Về án phí: Anh L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện anh L đề nghị xin được ly hôn với chị Phạm Thị Hoài T có đăng ký nhân khẩu thường trú tại xã Yên Mạc, huyện Yên Mô. Toà án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý vụ án là phù hợp với Điều 28, Điều 35 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Đình L và chị Phạm Thị Hoài T được tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, mỗi người sống ở một nơi không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay anh L đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T, Hội đồng xét xử thấy: Anh L chị T chung sống với nhau sau khi có Luật hôn nhân gia đình năm 2000 có hiệu lực nhưng anh chị không đăng ký kết hôn, đến nay anh L đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Do vậy cần tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Đình L và chị Phạm Thị Hoài T là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình. Điều 3 - Thông tư 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 6/1/2016 của Toà án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp.

[3] Về con chung: anh L và chị T có một con chung là cháu Trần Giang Nam, sinh ngày 4/3/2014. Tại phiên toà hôm nay anh L và chị T thống nhất giao cháu Trần Giang Nam cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Nam thành niên, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Cần công nhận sự thoả thuận này của anh L chị T phù hợp với pháp luật Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh L và chị T không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Anh L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật dân sự. Khoản 5 – Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 – Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đình L. Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Đình L và chị Phạm Thị Hoài T.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của anh Trần Đình L và chị Phạm Thị Hoài T, giao cháu Trần Giang Nam, sinh ngày 4/3/2014 cho chị Phạm Thị Hoài T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Nam thành niên. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T

Anh L được quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3. Án phí: anh Trần Đình L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2021/0006383 ngày 13/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

Án xử công khai sơ thẩm, anh L, chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình(1)
- VKSND huyện Yên Mô(1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- Chi cục THADS huyện Yên Mô (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa